ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 46 /2019/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 8 năm 2019*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ
ĐẾN Số: 848
Ngày: 27/8
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2127/TTr-STC ngày 15 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ trong các cơ quan nhà nước.

2. Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự làm việc trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện); công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

4. Cán bộ thuộc chỉ tiêu biên chế nhà nước đang công tác chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù được quy định tại Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định Hội có tính chất đặc thù.

5. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được gọi chung là cán bộ, công chức; các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này gọi chung là viên chức.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị

trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, của cơ quan, đơn vị và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

2. Đào tạo nguồn có trình độ sau đại học nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ mới.

Điều 4. Điều kiện đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.

2. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức, viên chức

1. Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

2. Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp pháp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ cho các lớp được quy định hỗ trợ tại Điều 7 Quy định này.

3. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập; chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ) cho các lớp được quy định hỗ trợ tại Điều 7 Quy định này.

Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo:

a) Trường hợp đi học ngoài tỉnh:

- Hỗ trợ tiền ăn: 35.000 đồng/người/buổi.

- Thanh toán tiền tàu, xe đối với các lớp đào tạo dài hạn mỗi năm 2 kỳ nghỉ hè và nghỉ Tết Âm lịch; đối với các lớp đào tạo ngắn hạn được thanh toán tiền tàu, xe lượt đi và lượt về cho mỗi đợt học; hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Mức chi theo

Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi là Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Trường hợp học trong tỉnh:

- Hỗ trợ tiền ăn: 25.000 đồng/người/buổi đối với cán bộ, công chức, viên chức học tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng do các cơ sở đào tạo của huyện, thị xã, thành phố Huế và của tỉnh tổ chức.

- Thanh toán tiền tàu, xe lượt đi và lượt về cho mỗi đợt học: Mức chi theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Được thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ nếu khoảng cách từ nơi cư trú đến cơ sở đào tạo từ 30 km trở lên và cơ sở đào tạo không bố trí được chỗ nghỉ. Trong trường hợp này, cán bộ, công chức, viên chức phải có giấy xác nhận của cơ sở đào tạo và được hỗ trợ thêm tiền thuê chỗ nghỉ 70.000 đồng/người/ngày.

Điều 6. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên:

Tùy theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khóa bồi dưỡng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khoá bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao. Mức chi thù lao cho một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học được quy định như sau:

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh uỷ và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi;

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Bí thư Tỉnh uỷ và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sỹ khoa học: 1.600.000 đồng/người/buổi;

c) Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng và phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính: 1.200.000 đồng/người/buổi;

d) Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên): 1.000.000 đồng/người/buổi;

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống: 600.000 đồng/người/buổi;

e) Trợ giảng: Bằng 50% mức thù lao giảng viên, báo cáo viên.

2. Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên:

Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên:

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được áp dụng mức chi quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chi dịch thuật: Áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Chi nước uống phục vụ lớp học: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khoá bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quyết định mức chi phù hợp với mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao.

6. Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi:

Mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi theo quy định pháp luật hiện hành.

Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện quy đổi thời gian ra giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

7. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc:

Căn cứ dự toán được giao, số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp, cơ sở đào tạo được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức 200.000 đồng/học viên.

8. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập; chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):

Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng: Mức chi thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Quy định này.

9. Các khoản chi phí phục vụ trực tiếp lớp học:

a) Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác...);

b) Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ;

c) Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên.

Các khoản chi phí thực tế nêu tại điểm a, b và c khoản này khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hoá đơn theo quy định. Đối với các khoản chi thuê phòng học, thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy phải có hợp đồng, hoá đơn theo quy định; trong trường hợp mượn cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

10. Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế:

a) Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

b) Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao.

11. Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi cho việc chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng:

Thực hiện theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

12. Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng:

Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được phép trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học và được tính trong phạm vi nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ để chi phí cho các nội dung: Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; chi công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của cơ sở đào tạo (nếu có); chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có) và các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học (nếu có).

Kinh phí phục vụ quản lý lớp học không chi hết, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng được chủ động sử dụng cho các nội dung khác có liên quan phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng cán bộ công chức có trách nhiệm quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ về định mức chi, quản lý và sử dụng khoản kinh phí quản lý lớp học, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước.

13. Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra,

đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

c) Chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Căn cứ chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành.

Điều 7. Một số chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngoài quyền lợi được hưởng tại Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ thêm các chi phí trong thời gian tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức học các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; bồi dưỡng kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, kiến thức hội nhập quốc tế; bồi dưỡng tiếng dân tộc, tin học, ngoại ngữ, được hỗ trợ:

a) Tiền học phí (đối với các lớp trường thu học phí) và tiền tài liệu học tập bắt buộc: Thanh toán 100% theo chứng từ hợp lệ.

b) Hỗ trợ tiền ăn, tiền tàu, xe, tiền thuê chỗ nghỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 8 Điều 6 Quy định này.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức học các lớp cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị và đại học chuyên ngành công tác xây dựng Đảng tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh kể cả hệ tập trung và tại chức được hỗ trợ:

a) Tiền học phí (đối với các lớp trường thu học phí) và tiền tài liệu học tập bắt buộc: Thanh toán 100% theo chứng từ hợp lệ.

b) Trợ cấp theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức đi học tại các trường chính trị đối với hệ tập trung học tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (nếu có).

c) Hỗ trợ tiền ăn, trợ tiền tàu, xe, tiền thuê chỗ nghỉ như quy định tại khoản 3 Điều 5 quy định này.

3. Đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cử đi học đại học chuyên ngành phù hợp với yêu cầu công tác, bao gồm cả đào tạo chuẩn hóa và bằng đại học thứ 2 được hỗ trợ tiền học phí: Thanh toán 50% theo chứng từ hợp lệ.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức học các lớp đào tạo sau đại học theo

quy hoạch của tỉnh, được hỗ trợ:

a) Tiền học phí: Thanh toán 100% theo chứng từ hợp lệ.

b) Chi phí khoán cho một khóa đào tạo gồm: Lệ phí thi tuyển, lệ phí thi tốt nghiệp, tiền tài liệu, giáo trình và các khoản chi phí khác như sau:

- Thạc sĩ: 7.000.000 đồng/người.
- Tiến sĩ: 15.000.000 đồng/người.
- Chuyên khoa cấp 1 ngành y dược: 6.000.000 đồng/người.
- Chuyên khoa cấp 2 ngành y dược: 12.000.000 đồng/người.

c) Khi nhận bằng được trợ cấp đặc biệt như sau:

- Thạc sĩ: 20.000.000 đồng/người.
- Tiến sĩ: 60.000.000 đồng/người.
- Chuyên khoa cấp 1 ngành y dược: 15.000.000 đồng/người.
- Chuyên khoa cấp 2 ngành y dược: 40.000.000 đồng/người.

5. Đối với cán bộ, công chức, viên chức học các lớp đào tạo sau đại học theo quy hoạch của ngành được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định này.

6. Đối với học viên học các lớp đào tạo sau đại học theo quy hoạch của các huyện, thị xã và thành phố Huế:

Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, căn cứ vào nhu cầu đào tạo, khả năng cân đối ngân sách để quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt quá mức chi quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định này.

7. Đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số:

Ngoài chế độ nêu trên, cán bộ, công chức, viên chức là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số được cử đi học các lớp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Quy định này được trợ cấp thêm 300.000 đồng/người/tháng.

Điều 8. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc chỉ tiêu biên chế nhà nước đang công tác chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù được đảm bảo từ nguồn kinh phí hoạt động của Hội, đóng góp của cán bộ, các nguồn khác theo quy định của pháp luật và hỗ trợ một phần từ ngân sách.

4. Đối với kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học do kinh phí phát sinh tương đối lớn ngân sách tỉnh cấp bổ sung trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có học viên đi học trên cơ sở nhu cầu thực tế phát sinh theo hình thức sau:

a) Đối với các lớp đào tạo sau đại học theo quy hoạch của tỉnh: ngân sách tỉnh cấp bổ sung trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học khoán chi phí khoán cho một khóa đào tạo và khoản trợ cấp đặc biệt. Các chi phí khác trong dự toán ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các lớp đào tạo sau đại học theo quy hoạch của các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh: Ngân sách tỉnh cấp bổ sung trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học khoản trợ cấp đặc biệt sau đại học. Các chi phí khác trong dự toán ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Quy định sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Việc sử dụng kinh phí đào tạo phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc thanh toán tiền học phí, lệ phí thi tuyển, tiền tài liệu,...(trừ trường hợp khoán chi phí) căn cứ trên cơ sở chứng từ hợp pháp, hợp lệ; chi phí đi lại thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành; tiền ăn theo số buổi học thực tế, tiền ở theo số ngày học thực tế được cơ sở đào tạo thông báo.

3. Các cơ quan, đơn vị cử học viên đi học không chi hỗ trợ các khoản chi phí đi lại và tiền thuê chỗ nghỉ nếu đã được các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo bồi dưỡng chi trả theo quy định.

4. Đối với các khoản trợ cấp cho học viên hàng tháng, nếu học từ 15 ngày trở lên thì được tính 1 tháng, nếu học dưới 15 ngày thì được tính nửa (½ tháng). Các lớp bồi dưỡng ngắn hạn dưới 15 ngày, học viên không được hưởng khoản trợ cấp hàng tháng.

Điều 10. Đền bù chi phí đào tạo

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Đối tượng, các khoản thuộc nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát sinh trước ngày 01 tháng 10 năm 2019 thì mức chi, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng áp dụng theo quy định tại Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối tượng, các khoản thuộc nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát sinh kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 thì áp dụng theo Quy định này.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng

tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Những nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ